TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 52/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30-09-2020
V/v Yêu cầu ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ-RỊA VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tiến.
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thuận.
Ông Nguyễn Văn Hà.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Tùng Lâm**,** Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 61/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 về việc "*Yêu cầu ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2020/QĐXX-ST ngày 26 tháng 8 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2020 giữa:

1- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1990, Vắng mặt.
Địa chỉ: 251 tổ 6, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2- Bị đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1983, Vắng mặt.
Địa chỉ: 251 ô 4, tổ 8 khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/02/2020, bản khai tiếp theo nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

Về hôn nhân: Bà Tr với ông T tự nguyện sống chung như vợ chồng vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, giấy đăng ký kết hôn số 105 ngày 25 tháng 4 năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng đến sống tại khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Trong cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc, nguyên nhân do không hợp nhau, bà Tr về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2019 đến nay, trong thời gian sống ly thân không có hòa giải hàn gắn.

Về con chung: Có ba người tên Lê Nhật H, sinh ngày 30/01/2009; Lê Nhật Q, sinh ngày 13/3/2014 và Lê Tường V, sinh ngày 15/5/2018, hiện nay cháu H và cháu Q đang sống cùng ông T, cháu Vy đang sống cùng bà Tr, tình trạng sức khỏe bình thường.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có

Nay, bà Tr yêu cầu được ly hôn với ông Lê Thanh T; Về con chung yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Tường V, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; Chấp nhận giao con chung tên Lê Nhật H, Lê Nhật Q cho ông T tiếp tục được nuôi dưỡng, bà Tr không cấp dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Lê Thanh T vắng mặt tại phiên toà, trong quá trình thụ lý vụ án không triệu tập được ông T nên không thu thập được lời khai để biết được ý kiến của ông T đối với yêu cầu của bà T.

Ý kiến của Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; Đối với bị đơn không chấp hành, không tham gia phiên hòa giải và xét xử.

- Về nội dụng vụ án: Căn cứ vào chứng cứ thu thập được và lời trình bày của nguyên đơn, đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn và việc nuôi con chung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, nghe ý kiến của Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ nhận định:

*[1]Về tố tụng***:** Bà Tr yêu cầu ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình, ông T có nơi cư trú tại thị trấn Đất Đỏ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Ông T được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do chính đáng, bà Tr có đơn xin xét xử vắng mặt đủ căn cứ giải quyết vắng mặt đương sự theo Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[2]Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Tr với ông Lê Thanh T là hôn nhân hợp pháp, trong thời gian sống chung giữa bà Tr với ông T xảy ra mâu thuẫn, theo bà Tr là do vợ chồng không hợp nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể sống chung, bà Tr đã bỏ về nhà cha mẹ ruột sống từ năm 2019 vợ chồng sống ly thân đến nay, vợ chồng không hòa giải hàn gắn. Nay, bà Tr xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn, từ ngày thụ lý yêu cầu của bà Tr Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng ông T không đến Tòa án, không cung cấp

bản khai, không có ý kiến để xác định lời trình bày của bà Tr về tình trạng hôn nhân có đúng hay không. Hiện ông T còn ở địa phương, nhưng không tống đạt được trực tiếp các văn bản tố tụng phải qua niêm yết, ông T không hợp tác đến tòa, điều này cho thấy ông T không còn tha thiết gì về quan hệ vợ chồng, không đến Tòa án để tham gia hòa giải hàn gắn. Tại biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân, hiện tại bà Tr với ông T không còn sống chung tại địa phương, địa phương không biết được tình trạng hôn nhân của hai người. Như vậy, lời trình bày của bà Tr về tình trạng hôn nhân là có căn cứ, theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Tr.

[3]Về nuôi con chung: Bà Tr với ông T có ba người con chung, tình trạng sức khỏe bình thường, hiện nay cháu H và cháu Q đang sống cùng ông T, cháu V sống cùng bà Tr, để ổn định cuộc sống của các con chung nên chấp nhận theo yêu cầu của bà Tr, nên giao cho bà Tr được nuôi dưỡng cháu V, ông T được nuôi dưỡng cháu H và cháu Q không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Điều nay cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung được quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tr không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5]Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nên bà Tr phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), ông T không phải chịu án phí.

[6]Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

1/- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thùy Tr, bà Tr được ly hôn với ông Lê Thanh T.

2/- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy Tr được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Tường V, sinh ngày 15/5/2018, ông Lê Thanh T được quyền nuôi dưỡng con chung tên Lê Nhật H, sinh ngày 30/01/2009; Lê Nhật Q, sinh ngày 13/3/2014 không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn bà Tr, ông T đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, bà Tr ông T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, trong trường hợp cần thiết theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu người không trực tiếp nuôi con phải cấp dưỡng nuôi con.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tr không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4.Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thùy Tr phải phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002492 ngày 28/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ, bà T đã nộp đủ tiền án phí. Ông Lê Thanh T không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Đất Đỏ;
- CCTHADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tiến